

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2015

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi mức thuế suất thuế xuất khẩu đối với các mặt hàng vàng trang sức, kỹ nghệ và các sản phẩm khác bằng vàng thuộc các nhóm 71.13, 71.14, 71.15 tại Biểu thuế xuất khẩu**

*Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu ngày 14/6/2005;*

*Căn cứ Nghị quyết số 710/2008/NQ-UBTVQH12 ngày 22/11/2008 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi Nghị quyết số 295/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 28/9/2007 về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất đối với từng nhóm hàng, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất ưu đãi đối với từng nhóm hàng;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;*

*Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh tại công văn số 1831/VPCP-KTTH ngày 30/9/2014 về chính sách thuế đối với mặt hàng vàng;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi mức thuế suất thuế xuất khẩu đối với các mặt hàng vàng trang sức, kỹ nghệ và các sản phẩm khác bằng vàng thuộc các nhóm 71.13, 71.14, 71.15 tại Biểu thuế xuất khẩu.*

**Điều 1. Sửa đổi mức thuế suất thuế xuất khẩu**

Sửa đổi mức thuế suất thuế xuất khẩu đối với các mặt hàng vàng trang sức, kỹ nghệ và các sản phẩm khác bằng vàng thuộc các nhóm 71.13, 71.14, 71.15 tại Biểu thuế xuất khẩu theo danh mục mặt hàng chịu thuế quy định tại Thông tư số 164/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ Tài chính thành mức thuế suất thuế xuất khẩu mới quy định tại Danh mục ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 2. Điều kiện áp dụng thuế suất thuế xuất khẩu 0%**

1. Đối với các mặt hàng đồ kim hoàn bằng vàng (thuộc nhóm 71.13), đồ kỹ nghệ bằng vàng (thuộc nhóm 71.14) và các sản phẩm khác bằng vàng (thuộc nhóm 71.15) để được áp dụng mức thuế suất thuế xuất khẩu 0%: Ngoài hồ sơ hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu theo quy định chung, phải có Phiếu kết quả thử nghiệm xác định hàm lượng vàng dưới 95% do tổ chức thử nghiệm xác định hàm lượng vàng trang sức, mỹ nghệ có tên quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư này cấp (xuất trình 01 bản chính để đối chiếu, nộp 01 bản sao cho cơ quan hải quan).

2. Tổ chức thử nghiệm xác định hàm lượng vàng trang sức, mỹ nghệ đã được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định gồm: Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3, Viện Ngọc học và Trang sức Doji, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Trung tâm vàng hoặc tổ chức có quyết định chỉ định tổ chức thử nghiệm xác định hàm lượng vàng của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

3. Trường hợp các mặt hàng là đồ kim hoàn bằng vàng (thuộc nhóm 71.13), đồ kỹ nghệ bằng vàng (thuộc nhóm 71.14) và các sản phẩm khác bằng vàng (thuộc nhóm 71.15) xuất khẩu theo hình thức gia công xuất khẩu hoặc có đủ điều kiện xác định là được sản xuất từ toàn bộ nguyên liệu nhập khẩu, xuất khẩu theo loại hình sản xuất xuất khẩu thì khi làm thủ tục hải quan thực hiện theo quy định hiện hành, không phải xuất trình Phiếu kết quả thử nghiệm xác định hàm lượng vàng. Đối với trường hợp xuất khẩu theo hình thức sản xuất xuất khẩu thì khi làm thủ tục hải quan, doanh nghiệp phải xuất trình giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu của ngân hàng nhà nước theo quy định tại Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25/5/2012.

**Điều 3: Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 7 tháng 5 năm 2015. / *h*

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát NDTC, Tòa án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- VP BCĐ TƯ về phòng, chống tham nhũng;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Hải quan tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ và Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ CST (P<sub>XNK</sub>).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Vũ Thị Mai**



**DANH MỤC THUẾ SUẤT THUẾ XUẤT KHẨU**  
**CÁC MẶT HÀNG VÀNG THUỘC CÁC NHÓM 71.13, 71.14, 71.15**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTC  
ngày 23/3/2015 của Bộ Tài chính)

STT	Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)	
1	71.13	<b>Đồ trang sức và các bộ phận rời của đồ trang sức, bằng kim loại quý hoặc kim loại được dát phủ kim loại quý.</b>		
		- Bằng kim loại quý đã hoặc chưa mạ hoặc dát phủ kim loại quý:		
	7113.11	- - Bằng bạc, đã hoặc chưa mạ hoặc dát phủ kim loại quý:		
	7113.11.10	--- Bộ phận	0	
	7113.11.90	--- Loại khác	0	
	7113.19	- - Bằng kim loại quý khác, đã hoặc chưa mạ hoặc dát phủ kim loại quý:		
		--- Bộ phận:		
		<b>7113.19.10</b>	---- <b>Bằng vàng, có hàm lượng vàng từ 95% trở lên</b>	2
		7113.19.10	---- Loại khác	0
		---	Loại khác:	
		<b>7113.19.90</b>	---- <b>Bằng vàng, có hàm lượng vàng từ 95% trở lên</b>	2
	7113.19.90	---- Loại khác	0	
	7113.20	- Bằng kim loại cơ bản dát phủ kim loại quý:		
	7113.20.10	-- Bộ phận	0	
7113.20.90	-- Loại khác	0		
2	71.14	<b>Đồ kỹ nghệ vàng hoặc bạc và các bộ phận rời của đồ kỹ nghệ vàng bạc, bằng kim loại quý hoặc kim loại dát phủ kim loại quý.</b>		
		- Bằng kim loại quý đã hoặc chưa mạ hoặc dát phủ kim loại quý:		
	7114.11.00	- - Bằng bạc, đã hoặc chưa mạ hoặc dát phủ kim loại quý khác	0	
	7114.19	- - Bằng kim loại quý khác, đã hoặc chưa mạ hoặc dát phủ kim loại quý:		
		<b>7114.19.00</b>	--- <b>Bằng vàng, đã hoặc chưa mạ hoặc dát phủ kim loại quý, có hàm lượng vàng từ 95% trở lên</b>	2
	7114.19.00	--- Loại khác	0	
7114.20.00	- Bằng kim loại cơ bản dát phủ kim loại quý	0		
3	71.15	<b>Các sản phẩm khác bằng kim loại quý hoặc kim loại dát phủ kim loại quý.</b>		
		7115.10.00	- Vật xúc tác ở dạng tấm đan hoặc lưới, bằng bạch kim	0
		7115.90	- Loại khác:	
		7115.90	- - Bằng vàng hoặc bạc:	0

STT	Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)
	7115.90.10	- - - <i>Bảng vàng, đã hoặc chưa mạ hoặc dát phủ kim loại quý, có hàm lượng vàng từ 95% trở lên</i>	2
	7115.90.10	- - - Loại khác	0
	7115.90.20	- - Bảng kim loại mạ vàng hoặc mạ bạc	0
	7115.90.90	- - Loại khác	0